ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚ NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 434 /KH-UBND	*Phú Ninh, ngày 10 tháng 10 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 29/5/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng, trên địa bàn xã Phú Ninh năm 2026 và giai đoạn 2026-2030

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ.

Căn cứ Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chí kinh tế trang trại, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT.

Căn cứ Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 29/5/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, giai đoạn 2026 – 2030.

Căn cứ Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 20/9/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phân bổ kinh phí thực hiện Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND năm 2026.

Căn cứ Công văn số 13165/SNNMT-CCPTNT ngày 18/9/2026 của Sở Nông nghiệp Môi trường thành phố Đà Nẵng về việc hướng dẫn một số nội dung triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 29/5/2026 của HĐND thành phố Quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026-2030.

UBND xã Phú Ninh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắc là Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND), cụ thể như sau:

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức triển khai kịp thời, đúng đối tượng, đúng nội dung và mức hỗ trợ theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND.

Tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân, hộ dân, hợp tác xã và các đối tượng đủ điều kiện trên địa bàn xã tiếp cận chính sách hỗ trợ để phát triển sản xuất nông nghiệp, nâng cao giá trị sản phẩm và hiệu quả kinh tế.

2. Yêu cầu

Việc triển khai chính sách phải bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng điều kiện, không trùng lặp nội dung hỗ trợ từ các chính sách, chương trình, dự án khác.

Hồ sơ tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, kiểm tra, nghiệm thu và thanh toán, quyết toán phải thực hiện đúng trình tự, thẩm quyền và quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

Ưu tiên các nội dung có tính khả thi, phù hợp điều kiện sản xuất thực tế của địa phương, có khả năng tạo sản phẩm hàng hóa, nâng cao thu nhập và phát triển sản xuất bền vững.

3. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2026–2030

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện thực tế của xã Phú Ninh.

Hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp có lợi thế của địa phương theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng tiêu thụ sản phẩm; từng bước hình thành các vùng sản xuất tập trung, sản phẩm hàng hóa và mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ.

Khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã, tổ hợp tác và các hình thức liên kết giữa người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng đất, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển sản xuất theo hướng an toàn, hữu cơ, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Bảo đảm các nguồn lực hỗ trợ được quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, công khai, minh bạch và phát huy hiệu quả; hạn chế tình trạng hỗ trợ dàn trải, trùng lặp hoặc không phù hợp với nhu cầu thực tế.

b) Năm 2026

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đầy đủ các nội dung chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND đến các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, hợp tác xã và các đối tượng có liên quan trên địa bàn xã.

Rà soát, xác định các nội dung, mô hình, đối tượng có nhu cầu và đủ điều kiện hỗ trợ theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND; hướng dẫn lập hồ sơ, tổ chức tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Tập trung triển khai các nội dung hỗ trợ có khả năng thực hiện trong năm 2026, phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương, trong đó ưu tiên các mô hình sản xuất nông nghiệp có quy mô phù hợp, tạo sản phẩm hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm.

Thực hiện hỗ trợ đúng đối tượng, đúng nội dung, mức hỗ trợ và kinh phí được cấp có thẩm quyền phân bổ; bảo đảm việc kiểm tra, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định.

Triển khai thực hiện các mô hình, nội dung hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND; sử dụng và giải ngân nguồn kinh phí 960 triệu đồng được UBND thành phố phân bổ theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 20/8/2026 để thực hiện chính sách hỗ trợ trong năm 2026.

III. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

1. Hỗ trợ khuyến khích hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp).

(Theo Điều 6, Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 29/5/2026)

a) Nội dung và mức hỗ trợ

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết: Chủ trì liên kết được hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết; nội dung, định mức được chi theo quy định hiện hành và được cấp thẩm quyền phê duyệt, nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/dự án hoặc kế hoạch liên kết, bao gồm: Tư vấn nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, kế hoạch liên kết; phương án, kế hoạch sản xuất - kinh doanh; khảo sát, đánh giá thị trường và phương án phát triển thị trường. Nội dung này chỉ áp dụng đối với các liên kết mới, chưa hình thành hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm bằng văn bản giữa các bên tham gia liên kết.

- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn và nâng cao năng lực quản lý chuỗi liên kết: Hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật sản xuất; nâng cao nghiệp vụ quản lý, quản lý hợp đồng liên kết, quản lý chuỗi và phát triển thị trường cho các bên tham gia liên kết. Nội dung, định mức chi theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án hoặc Kế hoạch liên kết.

- Hỗ trợ giống, vật tư thực hiện chuỗi liên kết sản xuất

+ Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ giống, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật chế phẩm sinh học đối với trồng trọt; hỗ trợ con giống, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, mua và bảo quản vắc xin để tiêm phòng các loại bệnh đối với chăn nuôi; hỗ trợ giống, thức ăn, hóa chất cải tạo ao nuôi và xử lý nước thải đối với nuôi trồng thủy sản, động vật lưỡng cư, nhóm bò sát; hỗ trợ meo giống, nguyên vật liệu làm nấm đối với sản xuất nấm.

+ Định mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa đa 70% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu. Hỗ trợ tối đa 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã hoặc của chủ trì liên kết (trong trường hợp doanh nghiệp ký hợp đồng liên kết trực tiếp với cá nhân, nông dân).

+ Mức hỗ trợ dựa trên quy mô thực tế của dự án hoặc kế hoạch liên kết (diện tích, số lượng cây trồng/vật nuôi và căn cứ vào định mức kỹ thuật theo Quyết định số 25/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 1.000 triệu đồng/dự án hoặc Kế hoạch liên kết nông lĩnh vực chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án hoặc kế hoạch liên kết trong các lĩnh vực còn lại.

- Dự án liên kết được ngân sách thành phố hỗ trợ đầu tư máy móc, trang thiết bị, dây chuyền công nghệ phục vụ sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, đóng gói và kho lạnh bảo quản sản phẩm. Nội dung, định mức, điều kiện hỗ trợ áp dụng quy định tại Điều 8 của Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 29/5/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật, quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi: Hỗ trợ tối đa 40% chi phí.

- Hỗ trợ khuyến khích tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp: Hỗ trợ một lần cho 01 dự án hoặc kế hoạch liên kết với mức bằng 5% tổng giá trị thanh lý hợp đồng tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, chỉ áp dụng cho hợp đồng tiêu thụ lần đầu, nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án hoặc kế hoạch liên kết để chủ trì liên kết tiếp tục thực hiện các nội dung của dự án hoặc kế hoạch liên kết.

b) Điều kiện hỗ trợ: thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP. Cụ thể các bên tham gia liên kết được hỗ trợ phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

- Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Giấy chứng nhận hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

- Liên kết đảm bảo ổn định:

+ Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác từ 01 năm trở lên, thời gian liên kết tối thiểu là 05 năm;

+ Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác dưới 01 năm, thời gian liên kết tối thiểu là 03 năm.

- Dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp tập trung, chuyên canh, vùng sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sinh thái, tuần hoàn (đối với trồng trọt) *(Theo Điều 7 của Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND).*

2.1. Nội dung, mức hỗ trợ: Đầu tư hệ thống nhà màng, nhà lưới, nhà kính; tưới thông minh, cảm biến đất/môi trường; phần mềm quản lý dữ liệu sản xuất, công nghệ chọn tạo giống, nuôi cấy mô, chế phẩm sinh học, hệ thống xử lý phân

hữu cơ vi sinh. Mức hỗ trợ 50% chi phí đầu tư nhưng tối đa không quá 700 triệu đồng/dự án/đối tượng.

Đối tượng được hỗ trợ máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ phục vụ sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, đóng gói và kho lạnh bảo quản sản phẩm từ nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND.

2.2. Điều kiện hỗ trợ:

a) Dự án có quy mô diện tích tập trung, liền thửa tối thiểu phải từ 01 ha trở lên; trường hợp sản xuất trong nhà lưới, nhà kính, nhà màng phải có quy mô tối thiểu 500 m^2 đối với cá nhân và 2.000 m^2 đối với tổ chức.

b) Đối với dự án sản xuất rau, củ, quả: Phải có cam kết tổ chức sản xuất theo quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP hoặc tiêu chuẩn tương đương), bảo đảm an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và chất lượng sản phẩm theo quy định.

c) Phải có hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

3. Hỗ trợ phát triển cơ giới hóa nông nghiệp *(Theo Điều 8, Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND).*

3.1. Hỗ trợ kinh phí đầu tư máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ phục vụ sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, đóng gói và kho lạnh bảo quản sản phẩm tư nông nghiệp, nông thôn: Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí đầu tư nhưng không quá 300 triệu/đối tượng.

3.2. Điều kiện hỗ trợ

a) Đối với các doanh nghiệp phải có ký kết thực hiện hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản, dịch vụ cơ giới hóa với tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc nông dân.

b) Các loại máy, thiết bị phải là máy móc, thiết bị mới, chất lượng phù hợp tiêu chuẩn công bố theo quy định của pháp luật và chưa được hỗ trợ từ các chính sách khác.

4. Hỗ trợ nông nghiệp hữu cơ *(Theo Điều 10 của Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND).*

4.1. Nội dung, mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ (điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí): Hỗ trợ 100% kinh phí theo dự toán được cấp, có thẩm quyền phê duyệt và chỉ được hỗ trợ 01 lần. Định mức tối đa 05 triệu đồng/ha và không quá 100 triệu đồng/vùng, khu vực.

b) Hỗ trợ chi phí cấp giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp Tiêu chuẩn Việt Nam về nông nghiệp hữu cơ do Tổ chức chứng nhận cấp (cấp lần đầu hoặc cấp lại): Hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/đối tượng và chi hỗ trợ một lần.

c) Hỗ trợ sản xuất lúa theo tiêu chuẩn hữu cơ: Hỗ trợ 100% kinh phí mua giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hữu cơ, chế phẩm sinh học xử lý đất, xử lý phân hữu cơ và chi phí liên quan khác theo định mức khuyến nông và theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Định mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/ha/vụ và không quá 03 vụ liên tiếp.

d) Hỗ trợ sản xuất rau, củ, quả theo tiêu chuẩn hữu cơ: Hỗ trợ 100% kinh phí mua giống, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật hữu cơ, chế phẩm sinh học xử lý đất, xử lý phân hữu cơ theo định mức khuyến nông và theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Định mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/ha và không quá 03 vụ liên tiếp.

đ) Hỗ trợ chăn nuôi hữu cơ (gia súc, gia cầm, thủy sản): Hỗ trợ 100% kinh phí để mua con giống, thức ăn, thuốc và chế phẩm thú y hữu cơ theo định mức khuyến nông và theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Định mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án/phương án.

e) Hỗ trợ phát triển cơ giới hoá thực hiện theo quy định tại Điều 8, Nghị quyết 17/2026/NQ-HĐND.

4.2. Điều kiện hỗ trợ

a) Cam kết tổ chức sản xuất tuân thủ theo nguyên tắc và tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ.

b) Đối với trồng trọt: Quy mô diện tích sản xuất tối thiểu liền vùng là 05 ha đối với lúa và 5.000 m^2 đối với cây trồng khác.

c) Đối với chăn nuôi gia súc (Heo, bò lấy thịt, dê): Heo thịt quy mô tối thiểu từ 20 con/lứa; heo đực/nái giống từ 10 con trở lên; bò thịt quy mô tối thiểu từ 10 con/lứa; dê có quy mô tối thiểu từ 30 con/lứa.

d) Đối với chăn nuôi gia cầm (Gà, vịt, ngan): Quy mô tối thiểu từ 500 con/lứa đối với gà, vịt, ngan lấy thịt; từ 200 con/lứa đối với gà, vịt, ngan lấy trứng; các loại gia cầm khác từ 1.000 con/lứa.

đ) Đối với chăn nuôi thủy sản: Thủy sản nước ngọt có diện tích ao nuôi tối thiểu từ 1.500 m^2/ao; thủy sản nước lợ, mặn có diện tích ao nuôi tối thiểu từ 1.000 m^2/ao; thủy sản nuôi lồng, bè nước lợ, mặn từ 10 lồng trở lên (thể tích ≥ 50 m^3/lồng).

5. Hỗ trợ phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại *(Theo Điều 11 Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND).*

5.1. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ xây dựng công trình cấp nước: Hỗ trợ xây dựng 01 công trình (đối với chủ vườn) và tối đa 02 công trình (đối với chủ trang trại) để xây dựng công trình cấp nước như: Giếng khoan/giếng đóng, giếng đào hoặc lắp đặt đường ống dẫn nước từ các nguồn (bao gồm hạng mục xây dựng bể chứa nước tưới). Hỗ trợ tối đa 70% giá trị một trong các công trình cấp nước, nhưng không quá 35 triệu đồng/công trình.

b) Hỗ trợ xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm nước cho vườn, trang trại: Hỗ trợ 70% kinh phí kinh phí đầu tư theo dự toán được cấp có thẩm quyền duyệt. Mức hỗ trợ tối đa không quá 08 triệu đồng/1.000 m^2 nhưng không quá 50 triệu đồng/vườn và không quá 200 triệu đồng/trang trại.

c) Hỗ trợ cho vườn

Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện chỉnh trang, cải tạo vườn (loại bỏ cây tạp, cải tạo mặt bằng, làm tường rào, cổng ngõ như xếp đá, hàng rào bằng cây xanh để tạo cảnh quan). Mức hỗ trợ tối đa 08 triệu đồng/1.000 m^2.

Hỗ trợ chi phí mua giống cây trồng dài ngày, mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật (Khuyến khích sử dụng các sản phẩm từ sinh học): Hỗ trợ tối đa 50%, nhưng không quá 08 triệu đồng/đối tượng/vườn.

d) Hỗ trợ cho trang trại

Hỗ trợ thực hiện thiết kế; cải tạo mặt bằng làm trang trại; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ sản xuất, bao gồm: Chi phí xây dựng chuồng trại (chuồng trại phải có hệ thống xử lý chất thải chăn nuôi, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường), xây dựng ao nuôi/lồng nuôi đối với trang trại thủy sản; nhà lưới, nhà kính; hàng rào bảo vệ; nhà xưởng; nhà sơ chế, bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản. Mức hỗ trợ tối đa 50% tổng kinh phí nhưng không quá 300 triệu đồng/trang trại và chi hỗ trợ 01 lần.

đ) Hỗ trợ phát triển cơ giới hoá thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND.

5.2. Điều kiện hỗ trợ

a) Chủ vườn, chủ trang trại thường trú tại thành phố Đà Nẵng, có phương án/dự án sản xuất - kinh doanh phù hợp với định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp, cơ cấu lại ngành nông nghiệp của cấp xã. Trong đó, quy mô diện tích tối thiểu của vườn liền thửa từ 1.000m2 trở lên và trang trại đạt tiêu chí theo quy định.

b) Ưu tiên các phương án/dự án kinh tế vườn, kinh tế trang trại có thời gian sử dụng đất ổn định từ 05 năm trở lên hoặc có hợp đồng thuê đất/liên kết sản xuất ổn định từ 05 năm trở lên. Đối với các phương án/dự án kinh tế vườn, kinh tế trang trại thực hiện trên diện tích đất sử dụng cho mục đích lâm nghiệp thì đối tượng đưa vào sản xuất phải phù hợp với các quy định của Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 (Văn bản hợp nhất số 68/VBHN-VPQH Luật Lâm nghiệp).

c) Đối tượng thụ hưởng cơ chế: được hỗ trợ tối đa 01 vườn và 01 trang trại và chỉ được hỗ trợ một lần cho một nội dung được hỗ trợ.

d) Không áp dụng cơ chế hỗ trợ đối với chủ trang trại lâm nghiệp trồng các loại cây keo, cây bạch đàn làm nguyên liệu.

IV. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế

- Theo dõi tiến độ thực hiện, kiểm tra kết quả, tham mưu UBND xã triển khai thực hiện theo quy định và tổng hợp báo cáo.

- Phối hợp tham mưu phân bổ kinh phí thực hiện theo dự toán được giao và quy định hiện hành.

- Là cơ quan chủ trì tham mưu thực hiện các nội dung sau:

+ Hỗ trợ khuyến khích hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp). *(Điều 6, Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND).*

+ Hỗ trợ phát triển cơ giới hóa nông nghiệp *(Điều 8, Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND).*

+ Hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp tập trung, chuyên canh, vùng sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sinh thái, tuần hoàn (đối với trồng trọt) *(Điều 7 của Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND).*

2. Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công

- Phối hợp hướng dẫn kỹ thuật, theo dõi việc thực hiện mô hình thuộc lĩnh vực chuyên môn được giao.

- Là cơ quan chủ trì tham mưu thực hiện các nội dung sau:

+ Hỗ trợ nông nghiệp hữu cơ *(Điều 10 của Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND).*

+ Hỗ trợ phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại *(Điều 11 Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND).*

3. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

- Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tiếp cận, tham gia chính sách.

- Hội Nông dân xã đảm nhận tuyên truyền, hướng dẫn Hội viên nông dân đăng ký thực hiện các nội dung cơ chế chính sách theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND, theo 05 nội dung tại Mục III như: Hỗ trợ khuyến khích hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông; Hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp tập trung, chuyên canh, vùng sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sinh thái, tuần hoàn (đối với trồng trọt); Hỗ trợ phát triển cơ giới hóa nông nghiệp; Hỗ trợ nông nghiệp hữu cơ; Hỗ trợ phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại.

- Tham gia giám sát việc triển khai chính sách theo chức năng, nhiệm vụ.

4. Các Trưởng thôn

- Tuyên truyền, thông báo chính sách đến Nhân dân.

- Phối hợp rà soát nhu cầu, hướng dẫn hộ dân đăng ký và chuyển hồ sơ theo quy định.

- Phối hợp theo dõi quá trình thực hiện và phản ánh những khó khăn, vướng mắc phát sinh tại địa bàn.

5. Các tổ chức, cá nhân, hộ dân, hợp tác xã và đối tượng thụ hưởng

- Chủ động đăng ký, lập hồ sơ và thực hiện đúng các điều kiện, nội dung, quy mô và tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, thực hiện đầy đủ chế độ hồ sơ, chứng từ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đăng ký, thanh toán, quyết toán.

V. THÔNG BÁO VIỆC TIẾP NHẬN HỒ SƠ

1. Đối với hồ sơ đăng ký hỗ trợ năm 2026: Từ ngày ra thông báo này đến hết ngày **15/10/2026**.

2. Đối với hồ sơ đăng ký hỗ trợ năm 2027-2030: Từ ngày ra thông báo này đến hết ngày 15/11 của năm trước liền kề.

(Có mẫu đơn đề nghị kèm theo).

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 29/5/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng trên địa bàn xã Phú Ninh năm 2026 và giai đoạn 2027-2030. UBND xã yêu cầu các cơ quan, đơn vị, thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- BTV Đảng ủy xã, TT. HĐND xã (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng, cơ quan, đơn vị thuộc xã;
- UBMTTQVN và các t/c CT-XH;
- Các Trưởng thôn;
- Các Hợp tác xã; các Tổ hợp tác;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Tình